

Số: 1308 /QĐ-ĐHLHN

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành các Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 405/CP ngày 10 tháng 11 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Pháp lý Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật Hà Nội);

Căn cứ Quyết định số 116/QĐ-BTP ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 372/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ đào tạo trên đại học cho Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Trưởng các Khoa chuyên môn và Trưởng phòng Phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 07 (bảy) Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Luật Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, áp dụng đối với các khóa nghiên cứu sinh tuyển sinh từ năm 2026.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Đào tạo sau đại học, Trưởng các Khoa chuyên môn, Trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Trường Đại học Luật Hà Nội và các nghiên cứu sinh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để th/h);
- Bộ GD&ĐT, Bộ Tư pháp (để b/c);
- Đảng ủy (để b/c);
- Các Phó Hiệu trưởng (để chỉ đạo th/h);
- Lưu: VT, ĐTSĐH.

TU
HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
LUẬT
HÀ NỘI

Tổ Văn Hòa

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
NGÀNH LUẬT QUỐC TẾ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1308/QĐ-ĐHLHN ngày 29 tháng 6 năm 2026 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

1. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Luật Hà Nội
- Tên gọi của văn bằng:
 - + Tiếng Việt: BẰNG TIẾN SĨ
NGÀNH LUẬT QUỐC TẾ
 - + Tiếng Anh: THE DEGREE OF DOCTOR
OF INTERNATIONAL LAW
- Tên Chương trình đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Luật Quốc tế
 - + Tiếng Anh: Doctoral Program in International Law
- Mã ngành đào tạo của CTĐT: 9380108
- Thời gian đào tạo:
 - + 03 năm đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ thạc sĩ;
 - + 04 năm đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ đại học, không qua đào tạo thạc sĩ.
- Phương thức đào tạo: Tín chỉ
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh CTĐT: Tháng 6/2026

2. SỨ MẠNG, TẦM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI VÀ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC

2.1. Sứ mạng của Trường Đại học Luật Hà Nội

Trường Đại học Luật Hà Nội có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao; nghiên cứu, chuyển giao các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao và truyền bá tư tưởng pháp lý phục vụ sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2030 của Trường Đại học Luật Hà Nội

Trường Đại học Luật Hà Nội trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; trường trọng điểm về đào tạo pháp luật, trung tâm nghiên cứu và truyền bá tư tưởng

pháp lý hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.

2.3. Giá trị cốt lõi: Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập

2.4. Triết lý giáo dục: Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.

3. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Luật Quốc tế hướng tới việc đào tạo những nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành có phẩm chất chính trị, đạo đức và trách nhiệm xã hội, có năng lực nghiên cứu độc lập, tư duy sáng tạo và dẫn dắt học thuật; trang bị một nền tảng tri thức chuyên sâu, tiên tiến về pháp luật quốc tế, từ đó có thể phát hiện, giải quyết các vấn đề thực tiễn và đưa ra các kết luận khoa học mang tính chuyên gia, góp phần kiến tạo tri thức mới, cung cấp các luận cứ khoa học cho việc hoạch định chính sách, pháp luật nhằm hiện thực hóa sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Luật Hà Nội trong sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Luật Quốc tế hướng tới những mục tiêu cụ thể sau:

- PO1: Trang bị cho nghiên cứu sinh hệ thống kiến thức lý luận, kiến thức thực tiễn chuyên sâu, tiên tiến về pháp luật quốc tế, kết hợp với nền tảng kiến thức liên ngành và phương pháp luật học so sánh, tạo cơ sở cho việc phát triển tư duy khoa học độc lập và phê phán.

- PO2: Phát triển cho nghiên cứu sinh năng lực nghiên cứu khoa học độc lập, thông qua việc làm chủ phương pháp luận nghiên cứu hiện đại và các kỹ năng của một nhà khoa học trong kỷ nguyên số, bao gồm khả năng khai thác, quản lý dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) một cách có trách nhiệm và đạo đức.

- PO3: Phát triển năng lực tư duy, phản biện, logic, sáng tạo và khả năng kiến tạo tri thức mới, giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh và đưa ra các kết luận khoa học mang tính chuyên gia, được thể hiện thông qua việc thực hiện một công trình luận án có đóng góp mới và đáng kể cho khoa học pháp lý quốc tế, với kết quả đáp ứng các tiêu chuẩn công bố khoa học.

- PO4: Hình thành ở nghiên cứu sinh phẩm chất, bản lĩnh và trách nhiệm xã hội của một chuyên gia đầu ngành, có tầm ảnh hưởng chuyên môn, đề cao liêm chính học thuật, có khả năng đảm nhiệm tốt các vị trí việc làm trong các môi trường đòi hỏi trình độ chuyên môn cao về pháp luật quốc tế, sẵn sàng đóng góp trí tuệ vào sự phát triển của nền khoa học pháp lý và phụng sự Tổ quốc.

3.3. Ma trận tương thích của Mục tiêu đào tạo với Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục của Trường

Mục tiêu CTĐT	Sứ mạng	Tầm nhìn	Giá trị cốt lõi	Triết lý giáo dục
Các mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo	Trường Đại học Luật Hà Nội có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao; nghiên cứu, chuyển giao các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao và truyền bá tư tưởng pháp lý phục vụ sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.	Trường Đại học Luật Hà Nội trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; trường trọng điểm về đào tạo pháp luật, trung tâm nghiên cứu và truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.	Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập	Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.
Mục tiêu PO1: Trang bị cho nghiên cứu sinh hệ thống kiến thức lý luận, kiến thức thực tiễn chuyên sâu, tiên tiến về pháp luật quốc tế, kết hợp với nền tảng kiến thức liên ngành và phương pháp luật học so sánh, tạo cơ sở cho việc phát triển tư duy khoa học độc lập và phê phán	Nghiên cứu sinh được trang bị hệ thống kiến thức lý luận, thực tiễn chuyên sâu, tiên tiến về pháp luật quốc tế chính là nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao . Đây là nền tảng để hình thành đội ngũ có năng lực nghiên cứu, chuyển giao các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao,	Nghiên cứu sinh được trang bị kiến thức lý luận, thực tiễn chuyên sâu, tiên tiến về pháp luật quốc tế có khả năng tham gia nghiên cứu pháp luật quốc tế ở trình độ cao, qua đó hiện thực hóa tầm nhìn phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội thành cơ sở giáo dục đại học	Đào tạo nghiên cứu sinh có kiến thức lý luận, kiến thức thực tiễn chuyên sâu về pháp luật quốc tế và kiến thức liên ngành góp phần tạo nên chất lượng đào tạo, thương hiệu của Trường trong	Nghiên cứu sinh được trang bị hệ thống kiến thức lý luận, thực tiễn chuyên sâu, tiên tiến là những con người ham học hỏi, biết làm việc , có tư duy khoa học độc lập và phê phán để sẵn sàng bảo vệ công

	đồng thời góp phần truyền bá tư tưởng pháp lý phục vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.	định hướng nghiên cứu, Trường trọng điểm về đào tạo pháp luật, trung tâm nghiên cứu, truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, nâng cao vị thế học thuật của Trường trong khu vực và trên thế giới	lĩnh vực pháp luật và đáp ứng yêu cầu hội nhập	lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc
Mục tiêu PO2: Phát triển cho nghiên cứu sinh năng lực nghiên cứu khoa học độc lập, thông qua việc làm chủ phương pháp luận nghiên cứu hiện đại và các kỹ năng của một nhà khoa học trong kỷ nguyên số, bao gồm khả năng khai thác, quản lý dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) một cách có trách nhiệm và đạo đức.	Nghiên cứu sinh với năng lực nghiên cứu khoa học độc lập, thông qua việc làm chủ phương pháp luận nghiên cứu hiện đại và các kỹ năng của một nhà khoa học trong kỷ nguyên số là nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao để nghiên cứu, truyền bá và phát triển khoa học pháp lý quốc tế chất lượng cao và hội nhập quốc tế	Nghiên cứu sinh biết tìm kiếm, khai thác, quản lý dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) một cách có trách nhiệm để nghiên cứu , tiếp thu thành tựu khoa học pháp lý quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển Trường theo định hướng nghiên cứu , trở thành cơ sở đào tạo luật hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.	Nghiên cứu sinh có kiến thức pháp luật quốc tế, kỹ năng khai thác, quản lý dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) một cách có trách nhiệm và đạo đức, đáp ứng giá trị cốt lõi về con người có chất lượng cao, thương hiệu và hội nhập.	Nghiên cứu sinh với năng lực nghiên cứu khoa học độc lập là những con người ham học hỏi, biết làm việc , có năng lực và các kỹ năng của một nhà khoa học trong kỷ nguyên số để sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc

<p>Mục tiêu PO3:</p> <p>Phát triển năng lực tư duy phản biện, logic, sáng tạo và khả năng kiến tạo tri thức mới, giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh và đưa ra các kết luận khoa học mang tính chuyên gia, được thể hiện thông qua việc thực hiện một công trình luận án có đóng góp mới và đáng kể cho khoa học pháp lý quốc tế, với kết quả đáp ứng các tiêu chuẩn công bố khoa học.</p>	<p>Nghiên cứu sinh với năng lực tư duy phản biện, logic, sáng tạo; năng lực nghiên cứu chuyên sâu về pháp luật quốc tế, kiến tạo tri thức mới, ứng dụng giải quyết các vấn đề pháp lý quốc tế phát sinh trong thực tiễn, trực tiếp góp phần phát triển nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao, phục vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế.</p>	<p>Nghiên cứu sinh với năng lực tư duy sáng tạo và khả năng kiến tạo tri thức mới có khả năng tham gia nghiên cứu pháp luật quốc tế ở trình độ cao, qua đó hiện thực hóa tầm nhìn phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu, Trường trọng điểm về đào tạo pháp luật, trung tâm nghiên cứu, truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, nâng cao vị thế học thuật của Trường trong khu vực và trên thế giới</p>	<p>Nghiên cứu sinh với khả năng kiến tạo tri thức mới, giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh thuộc các lĩnh vực Luật quốc tế, góp phần phát triển nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao, tạo dựng thương hiệu trong quá trình hội nhập</p>	<p>Nghiên cứu sinh với năng lực tư duy phản biện, logic, sáng tạo; năng lực nghiên cứu chuyên sâu là những con người ham học hỏi, biết làm việc, có khả năng giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh và đưa ra các kết luận khoa học mang tính chuyên gia sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc</p>
<p>Mục tiêu PO4:</p> <p>Hình thành ở nghiên cứu sinh phẩm chất, bản lĩnh và trách nhiệm xã hội của một chuyên gia đầu ngành, có tầm</p>	<p>Phẩm chất đạo đức, bản lĩnh, trách nhiệm xã hội của một chuyên gia đầu ngành, có tầm ảnh hưởng chuyên môn, đáp ứng sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực</p>	<p>Phẩm chất của một chuyên gia đầu ngành, có tầm ảnh hưởng chuyên môn có khả năng nghiên cứu, tiếp thu thành tựu khoa học pháp lý</p>	<p>Phẩm chất đạo đức, bản lĩnh, trách nhiệm xã hội và năng lực của một chuyên gia đầu ngành, đáp ứng giá</p>	<p>Phẩm chất đạo đức, bản lĩnh, trách nhiệm xã hội và năng lực của một chuyên gia đầu ngành tạo nên</p>

ảnh hưởng chuyên môn, đề cao liên chính học thuật, có khả năng đảm nhiệm tốt các vị trí việc làm trong các môi trường đòi hỏi trình độ chuyên môn cao về pháp luật quốc tế, sẵn sàng đóng góp trí tuệ vào sự phát triển của nền khoa học pháp lý và phụng sự Tổ quốc.	chất lượng cao, phục vụ cho quá trình phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước.	quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển Trường theo định hướng nghiên cứu, trở thành cơ sở đào tạo luật hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.	trị cốt lõi về con người, chất lượng, thương hiệu và hội nhập.	những con người sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------

3.4. Ma trận tương thích của Mục tiêu đào tạo với Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 8)

Mục tiêu chương trình đào tạo	Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 8)		
	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ & trách nhiệm
Các mục tiêu cụ thể của CTĐT	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của một lĩnh vực khoa học; - Kiến thức cốt lõi, nền tảng thuộc lĩnh vực của chuyên ngành đào tạo. - Kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới. - Kiến thức về quản trị tổ chức. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển. - Kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn. - Kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo. - Kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển. - Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới. - Đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau. - Thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác. - Phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia. - Quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri

Mục tiêu chương trình đào tạo	Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 8)		
	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ & trách nhiệm
		thuộc ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu và phổ biến các kết quả nghiên cứu.	thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới.
<p>Mục tiêu PO1: Trang bị cho nghiên cứu sinh hệ thống kiến thức lý luận, kiến thức thực tiễn chuyên sâu, tiên tiến về pháp luật quốc tế, kết hợp với nền tảng kiến thức liên ngành và phương pháp luật học so sánh, tạo cơ sở cho việc phát triển tư duy khoa học độc lập và phê phán.</p>	<p>- Kiến thức lý luận, thực tiễn tiên tiến chuyên sâu về pháp luật quốc tế mà nghiên cứu sinh được trang bị đáp ứng yêu cầu kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của một lĩnh vực khoa học, đồng thời bảo đảm kiến thức cốt lõi, nền tảng thuộc lĩnh vực của chuyên ngành đào tạo.</p> <p>- Kiến thức liên ngành và phương pháp luật học so sánh mà nghiên cứu sinh được trang bị tạo cơ sở để nghiên cứu sinh tổ chức nghiên cứu khoa học, tiếp cận các vấn đề pháp lý quốc tế trong mối liên hệ với chính trị, kinh tế, xã hội, quan hệ quốc tế và quản trị toàn cầu. Do đó, phù hợp với yêu cầu về kiến thức tổ chức</p>	<p>- Kiến thức về phương pháp luật học so sánh với nền tảng liên ngành giúp nghiên cứu sinh làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển, góp phần hỗ trợ cho nghiên cứu sinh trong suy luận, phân tích các vấn đề khoa học trong lĩnh vực pháp luật quốc tế và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo</p> <p>- Kiến thức lý luận, thực tiễn chuyên sâu, tiên tiến về pháp luật quốc tế, kết hợp với nền tảng kiến thức liên ngành giúp nghiên cứu sinh có kỹ năng tổng hợp, chủ động làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn trong lĩnh vực pháp luật quốc tế cũng như kỹ năng quản lý,</p>	<p>- Kiến thức lý luận, thực tiễn chuyên sâu, tiên tiến về pháp luật quốc tế kết hợp với nền tảng kiến thức liên ngành và phương pháp luật học so sánh, mà nghiên cứu sinh được trang bị đáp ứng yêu cầu có khả năng nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới, thích ứng trong công việc, tự định hướng và dẫn dắt người khác trong lĩnh vực pháp luật quốc tế</p> <p>- Kiến thức lý luận, thực tiễn chuyên sâu, tiên tiến về pháp luật quốc tế mà nghiên cứu sinh được trang bị đáp ứng yêu cầu có khả năng đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau; đồng thời có khả năng phán</p>

Mục tiêu chương trình đào tạo	Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 8)		
	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ & trách nhiệm
	<p> nghiên cứu khoa học, phát triển tri thức mới và kiến thức về quản trị tổ chức trong bối cảnh pháp luật quốc tế hiện đại.</p>	<p> điều hành chuyên môn</p> <p>- Kiến thức lý luận, thực tiễn chuyên sâu, tiên tiến về pháp luật quốc tế tạo nền tảng để nghiên cứu sinh tham gia các thảo luận khoa học trong nước và quốc tế, trình bày, trao đổi và phổ biến kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực pháp luật quốc tế.</p>	<p> quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia.</p> <p>- Kiến thức liên ngành và phương pháp luật học so sánh mà nghiên cứu sinh được trang bị đáp ứng yêu cầu có khả năng quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới.</p>
<p>Mục tiêu PO2: Phát triển cho nghiên cứu sinh năng lực nghiên cứu khoa học độc lập, thông qua việc làm chủ phương pháp luận nghiên cứu hiện đại và các kỹ năng của một nhà khoa học trong kỷ nguyên số, bao gồm khả năng khai thác, quản lý dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) một cách</p>	<p>- Năng lực nghiên cứu khoa học độc lập giúp nghiên cứu sinh nắm được các kiến thức cốt lõi, nền tảng, kiến thức tiên tiến và chuyên sâu trong lĩnh vực pháp luật quốc tế</p> <p>- Phương pháp luận nghiên cứu hiện đại và các kỹ năng của một nhà khoa học trong kỷ nguyên số giúp nghiên cứu sinh có khả năng tổ chức nghiên cứu</p>	<p>- Các kỹ năng được trang bị cho nghiên cứu sinh để có thể nghiên cứu khoa học độc lập đáp ứng yêu cầu có kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển; kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn; kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng</p>	<p>- Nghiên cứu sinh có năng lực nghiên cứu khoa học độc lập đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới, thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác.</p> <p>- Nghiên cứu sinh có năng lực nghiên cứu độc lập, làm chủ phương pháp luận nghiên cứu hiện đại và các kỹ năng của một nhà khoa học trong kỷ nguyên số đáp ứng yêu cầu</p>

Mục tiêu chương trình đào tạo	Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 8)		
	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ & trách nhiệm
có trách nhiệm và đạo đức.	<p>khoa học và phát triển các lý thuyết, giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong lĩnh vực pháp luật quốc tế</p> <p>- Kỹ năng của nhà khoa học trong kỹ nguyên số, bao gồm khai thác, quản lý dữ liệu và ứng dụng AI có trách nhiệm, phù hợp với yêu cầu về kiến thức tổ chức nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ mới và quản trị tổ chức hoạt động nghiên cứu trong môi trường học thuật hiện đại</p>	<p>tạo, độc đáo trong lĩnh vực pháp luật quốc tế</p> <p>- Các kỹ năng được trang bị cho nghiên cứu sinh để có thể nghiên cứu khoa học độc lập đáp ứng yêu cầu có kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực pháp luật quốc tế. Bên cạnh đó, việc ứng dụng AI có trách nhiệm và đạo đức còn góp phần bảo đảm năng lực quản lý, điều hành hoạt động nghiên cứu trong bối cảnh chuyển đổi số.</p>	<p>phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia, phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới trong lĩnh vực pháp luật quốc tế</p> <p>- Việc đề cao trách nhiệm và đạo đức trong nghiên cứu cũng bảo đảm nghiên cứu sinh có trách nhiệm cao trong phát triển tri thức chuyên nghiệp, sử dụng công nghệ mới một cách phù hợp và đóng góp vào môi trường học thuật liên chính.</p>
<p>Mục tiêu PO3:</p> <p>Phát triển năng lực tư duy, phản biện, logic sáng tạo và khả năng kiến tạo tri thức mới, giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh và đưa ra các kết luận khoa học mang tính chuyên</p>	<p>- Năng lực tư duy sáng tạo, khả năng kiến tạo tri thức mới, khả năng giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh và đưa ra các kết luận khoa học mang tính chuyên gia giúp nghiên cứu sinh nắm được kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở</p>	<p>- Các kỹ năng được trang bị cho nghiên cứu sinh để có thể kiến tạo tri thức mới, giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh và đưa ra các kết luận khoa học mang tính chuyên gia đáp ứng yêu cầu có kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức</p>	<p>- Nghiên cứu sinh có năng lực tư duy sáng tạo và khả năng kiến tạo tri thức mới đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới, đưa ra ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau, phát triển tri thức</p>

Mục tiêu chương trình đào tạo	Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 8)		
	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ & trách nhiệm
gia, được thể hiện thông qua việc thực hiện một công trình luận án có đóng góp mới và đáng kể cho khoa học pháp lý quốc tế, với kết quả đáp ứng các tiêu chuẩn công bố khoa học.	vị trí hàng đầu trong lĩnh vực pháp luật quốc tế - Việc thực hiện một công trình luận án có đóng góp mới và đáng kể cho khoa học pháp lý quốc tế, với kết quả đáp ứng các tiêu chuẩn công bố khoa học đòi hỏi nghiên cứu sinh phải có kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học, kiến thức cốt lõi, nền tảng và chuyên sâu trong lĩnh vực pháp luật quốc tế	chuyên môn, kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo - Các kỹ năng được trang bị cho nghiên cứu sinh để có thể thực hiện một công trình luận án có đóng góp mới và đáng kể cho khoa học pháp lý quốc tế, với kết quả đáp ứng các tiêu chuẩn công bố khoa học đáp ứng yêu cầu có kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học, làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển	chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới - Nghiên cứu sinh có năng lực và tư duy giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh và đưa ra các kết luận khoa học mang tính chuyên gia đáp ứng yêu cầu đưa ra các ý tưởng, phán quyết, quyết định mang tính chuyên gia, thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác - Nghiên cứu sinh có năng lực tư duy sáng tạo và khả năng kiến tạo tri thức mới, giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh và đưa ra các kết luận khoa học mang tính chuyên gia, đáp ứng yêu cầu thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác.
Mục tiêu PO4: Hình thành ở nghiên cứu sinh phẩm chất, bản	Việc hình thành ở nghiên cứu sinh năng lực chuyên môn có tầm ảnh hưởng, khả	Việc hình thành ở nghiên cứu sinh năng lực chuyên môn có tầm ảnh hưởng, có khả	Việc hình thành ở nghiên cứu sinh phẩm chất, bản lĩnh, trách nhiệm xã hội

Mục tiêu chương trình đào tạo	Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 8)		
	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ & trách nhiệm
<p>lĩnh và trách nhiệm xã hội của một chuyên gia đầu ngành, có tầm ảnh hưởng chuyên môn, đề cao liên chính học thuật, có khả năng đảm nhiệm tốt các vị trí việc làm trong các môi trường đòi hỏi trình độ chuyên môn cao về pháp luật quốc tế, sẵn sàng đóng góp trí tuệ vào sự phát triển của nền khoa học pháp lý và phụng sự Tổ quốc.</p>	<p>năng đảm nhiệm tốt các vị trí việc làm trong các môi trường đòi hỏi trình độ chuyên môn cao về pháp luật quốc tế đòi hỏi nghiên cứu sinh có kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu trong lĩnh vực pháp luật quốc tế</p> <p>- Nội dung về trách nhiệm xã hội, liên chính học thuật, đóng góp cho khoa học pháp lý và phụng sự Tổ quốc cũng phù hợp với yêu cầu về kiến thức quản trị tổ chức, quản trị hoạt động chuyên môn và nhận thức về vai trò xã hội của chuyên gia trong môi trường học thuật, nghề nghiệp và quản lý.</p>	<p>năng đảm nhiệm tốt các vị trí việc làm trong các môi trường yêu cầu trình độ chuyên môn cao đòi hỏi nghiên cứu sinh có kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển, kỹ năng làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn, kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn, suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo.</p> <p>- Vai trò chuyên gia đầu ngành đòi hỏi nghiên cứu sinh có kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển, kỹ năng tham gia thảo luận trong nước, quốc tế và phổ biến kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực pháp luật quốc tế.</p>	<p>của một chuyên gia đầu ngành, có tầm ảnh hưởng chuyên môn, đề cao liên chính học thuật. Đây là những biểu hiện rõ của khả năng tự định hướng, dẫn dắt người khác, phán quyết và ra quyết định mang tính chuyên gia</p> <p>- Việc sẵn sàng đóng góp trí tuệ vào sự phát triển của nền khoa học pháp lý và phụng sự Tổ quốc cũng thể hiện trách nhiệm cao trong học tập, nghiên cứu, phát triển tri thức chuyên nghiệp, sáng tạo ý tưởng mới và tham gia giải quyết các vấn đề phức tạp của thực tiễn pháp luật quốc tế.</p>

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4.1. Nội dung chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Luật Quốc tế, nghiên cứu sinh có các kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm sau đây:

*** Về Kiến thức (Knowledge)**

- **PLO1: Phân tích và luận giải chuyên sâu, toàn diện các kiến thức cốt lõi, nền tảng** của khoa học pháp lý quốc tế, bao gồm các học thuyết, nguyên tắc và hệ thống quy phạm của pháp luật quốc tế; **hiểu rõ** cấu trúc và sự vận hành của các thiết chế pháp lý quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

- **PLO2: Đánh giá và vận dụng kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu** của lĩnh vực Luật quốc tế để phân tích, lý giải các vấn đề pháp lý phức tạp; **hiểu rõ** bản chất, xu hướng phát triển của các quan hệ pháp lý quốc tế và mối liên hệ với pháp luật quốc gia, đặc biệt trong điều kiện Việt Nam hội nhập quốc tế.

- **PLO3: Vận dụng kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sáng tạo tri thức mới** trong lĩnh vực Luật quốc tế; **đề xuất** các luận cứ khoa học, các giải pháp pháp lý và kiến nghị hoàn thiện pháp luật, chính sách và mô hình **quản trị tổ chức** phù hợp với bối cảnh pháp lý quốc tế hiện đại.

*** Về Kỹ năng (Skills)**

- **PLO4: Thiết kế, triển khai** và hoàn thành một dự án nghiên cứu khoa học độc lập ở trình độ tiến sĩ (luận án tiến sĩ), trong đó **làm chủ** các lý thuyết khoa học, phương pháp và công cụ nghiên cứu phù hợp; **tạo ra** kết quả nghiên cứu có **tính mới**, có đóng góp đáng kể cho tri thức khoa học hoặc giải quyết được vấn đề lý luận, thực tiễn quan trọng về pháp luật quốc tế.

- **PLO5: Vận dụng thành thạo** các kỹ năng tổng hợp, tư duy phản biện, tư duy logic, suy luận, lập luận và phân tích pháp lý để phát hiện, đánh giá và xử lý các vấn đề khoa học phức tạp trong lĩnh vực Luật quốc tế; **tạo ra** được các công trình khoa học (báo cáo hội nghị, bài báo, chương sách chuyên khảo...) có giá trị học thuật, đáp ứng tiêu chuẩn công bố trên các tạp chí chuyên ngành, hoặc bởi các nhà xuất bản uy tín.

- **PLO6: Vận dụng** các kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển; trình bày, thảo luận và bảo vệ một cách thuyết phục các luận điểm, phương pháp và kết quả nghiên cứu trước cộng đồng học thuật trong nước và quốc tế; phổ biến các kết quả nghiên cứu; sử dụng ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- **PLO7: Ứng dụng thành thạo** các công cụ kỹ thuật số tiên tiến để khai thác cơ sở dữ liệu pháp lý trong nước và quốc tế, quản lý dữ liệu nghiên cứu, trích dẫn học liệu và hỗ trợ phân tích pháp lý; sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) một cách có đạo đức, trách nhiệm, phù hợp với yêu cầu liên chính học thuật nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu.

*** Về mức độ tự chủ và trách nhiệm (Autonomy and Responsibility)**

- **PLO8: Thể hiện** năng lực tự chủ học thuật trong việc hình thành ý tưởng nghiên cứu, **sáng tạo tri thức mới** và đưa ra các kết luận, khuyến nghị khoa học mang tính

chuyên gia phục vụ hoạch định, thực thi chính sách, hoàn thiện pháp luật, hoàn thiện thể chế và bảo vệ công lý.

- **PLO9: Tuân thủ và bảo vệ** các chuẩn mực về liêm chính học thuật, đạo đức nghiên cứu và trách nhiệm khoa học, chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, minh bạch và đóng góp khoa học của công trình nghiên cứu trong lĩnh vực Luật Quốc tế.

- **PLO10: Chủ động** tự định hướng, **thích ứng** và **phát triển** năng lực nghiên cứu trong môi trường học thuật có sự thay đổi; tổ chức, **quản lý và dẫn dắt** được hoạt động nghiên cứu hoặc nhóm nghiên cứu trong lĩnh vực Luật Quốc tế với tinh thần trách nhiệm cao và thái độ học thuật chuyên nghiệp.

- **PLO11: Vận dụng** tri thức chuyên môn và năng lực nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến Luật Quốc tế, pháp luật quốc gia và hội nhập quốc tế; góp phần thúc đẩy các giá trị của nhà nước pháp quyền, bảo vệ công lý và phụng sự Tổ quốc.

4.2. Ma trận đáp ứng mục tiêu của các chuẩn đầu ra

CHUẨN ĐẦU RA	Mục tiêu PO1	Mục tiêu PO2	Mục tiêu PO3	Mục tiêu PO4
* Kiến thức:				
PLO1: Phân tích và luận giải chuyên sâu, toàn diện các kiến thức cốt lõi, nền tảng của khoa học pháp lý quốc tế, bao gồm các học thuyết, nguyên tắc và hệ thống quy phạm của pháp luật quốc tế; hiểu rõ cấu trúc và sự vận hành của các thiết chế pháp lý quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.	X			
PLO2: Đánh giá và vận dụng kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của lĩnh vực Luật quốc tế để phân tích, lý giải các vấn đề pháp lý phức tạp; hiểu rõ bản chất, xu hướng phát triển của các quan hệ pháp lý quốc tế và mối liên hệ với pháp luật quốc gia, đặc biệt trong điều kiện Việt Nam hội nhập quốc tế.	X		X	
PLO3: Vận dụng kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực Luật quốc tế; đề xuất các luận cứ khoa học, các giải pháp pháp lý và kiến nghị hoàn thiện	X	X	X	

pháp luật, chính sách và mô hình quản trị tổ chức phù hợp với bối cảnh pháp lý quốc tế hiện đại				
* Kỹ năng:				
PLO4: Thiết kế, triển khai và hoàn thành một dự án nghiên cứu khoa học độc lập ở trình độ tiến sĩ (luận án tiến sĩ), trong đó làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp và công cụ nghiên cứu phù hợp; tạo ra kết quả nghiên cứu có tính mới, có đóng góp đáng kể cho tri thức khoa học hoặc giải quyết được vấn đề lý luận, thực tiễn quan trọng về pháp luật quốc tế		X	X	
PLO5: Vận dụng thành thạo các kỹ năng tổng hợp, tư duy phản biện, tư duy logic, suy luận, lập luận và phân tích pháp lý để phát hiện, đánh giá và xử lý các vấn đề khoa học phức tạp trong lĩnh vực Luật quốc tế; tạo ra được các công trình khoa học (báo cáo hội nghị, bài báo, chương sách chuyên khảo...) có giá trị học thuật, đáp ứng tiêu chuẩn công bố trên các tạp chí chuyên ngành, hoặc bởi các nhà xuất bản uy tín.	X	X	X	
PLO6: Vận dụng các kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển; trình bày, thảo luận và bảo vệ một cách thuyết phục các luận điểm, phương pháp và kết quả nghiên cứu trước cộng đồng học thuật trong nước và quốc tế; phổ biến các kết quả nghiên cứu; sử dụng ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam		X	X	X
PLO7: Ứng dụng thành thạo các công cụ kỹ thuật số tiên tiến để khai thác cơ sở dữ liệu pháp lý trong nước và quốc tế, quản lý dữ liệu nghiên cứu, trích dẫn học liệu và hỗ trợ phân tích pháp lý; sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) một cách có đạo đức, trách nhiệm, phù		X		X

hợp với yêu cầu liên chính học thuật nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu				
* Mức độ tự chủ và trách nhiệm				
PLO8: Thể hiện năng lực tự chủ học thuật trong việc hình thành ý tưởng nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới và đưa ra các kết luận, khuyến nghị khoa học mang tính chuyên gia phục vụ hoạch định, thực thi chính sách, hoàn thiện pháp luật, hoàn thiện thể chế và bảo vệ công lý.			X	X
PLO9: Tuân thủ và bảo vệ các chuẩn mực về liên chính học thuật, đạo đức nghiên cứu và trách nhiệm khoa học, chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, minh bạch và đóng góp khoa học của công trình nghiên cứu trong lĩnh vực Luật quốc tế.		X		X
PLO10: Chủ động tự định hướng, thích ứng và phát triển năng lực nghiên cứu trong môi trường học thuật có sự thay đổi; tổ chức, quản lý và dẫn dắt được hoạt động nghiên cứu hoặc nhóm nghiên cứu trong lĩnh vực Luật quốc tế với tinh thần trách nhiệm cao và thái độ học thuật chuyên nghiệp.		X	X	X
PLO11: Vận dụng tri thức chuyên môn và năng lực nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến Luật quốc tế, pháp luật quốc gia và hội nhập quốc tế; góp phần thúc đẩy các giá trị của nhà nước pháp quyền, bảo vệ công lý và phụng sự Tổ quốc.	X		X	X

4.3. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Luật Quốc tế có năng lực nghề nghiệp để đảm nhiệm các công việc, nhưng không giới hạn, ở các vị trí:

- Chuyên gia nghiên cứu pháp luật quốc tế tại các cơ sở nghiên cứu và các cơ quan, tổ chức khác;

- Giảng viên/giáo viên giảng dạy các học phần liên quan đến pháp luật tại các cơ sở giáo dục đào tạo;

- Chuyên gia hành nghề trong lĩnh vực pháp luật quốc tế tại các cơ quan tư pháp, cơ quan hỗ trợ tư pháp; hoặc các vị trí như thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư, công chứng viên, đấu giá viên, chấp hành viên, trọng tài viên, thừa phát lại... hoặc các hoạt động hành nghề luật khác.

- Chuyên gia tham mưu, tư vấn, xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân.

- Chuyên gia cho các dự án, chương trình, tổ chức quốc tế.

4.4. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Luật Quốc tế có thể tiếp tục theo học các chương trình đào tạo sau tiến sĩ (postdoctoral), tham gia các chương trình nghiên cứu chuyên sâu tại các cơ sở đào tạo và viện nghiên cứu trong nước và quốc tế; đồng thời có khả năng tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn, mở rộng hướng nghiên cứu và phát triển năng lực học thuật ở mức cao hơn.

5. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, TÀI LIỆU, CHUẨN MÀ TRƯỜNG THAM KHẢO

** Các văn bản pháp luật hiện hành của Việt Nam về chương trình đào tạo, quy chế đào tạo, khung trình độ quốc gia Việt Nam, xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo...*

- Luật Giáo dục đại học năm 2025.

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo.

- Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ.

** Tham khảo, đối sánh về cấu trúc chương trình đào tạo và một số học phần phù hợp trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Luật Quốc tế hoặc khối ngành pháp luật của các cơ sở đào tạo luật trong nước:*

- Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội¹: Tham khảo chương trình và các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Luật Quốc tế bao gồm các học phần: Những chuyển biến và thách thức mới của Luật quốc tế, Xu hướng pháp điển hóa Tư pháp quốc tế, Những vấn đề hiện đại về Luật biển quốc tế, Những vấn đề hiện đại về Luật thương mại quốc tế.

¹ <https://law.vnu.edu.vn/Fuploads/20240612155052742.pdf>

- Học viện Ngoại giao²: Tham khảo chương trình và các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Luật Quốc tế bao gồm các học phần: Các vấn đề đương đại của Luật quốc tế, Pháp luật và thực tiễn của Liên Hợp Quốc, Luật quốc tế và luật quốc gia về biên giới, lãnh thổ và biển, Luật quốc tế về nhân quyền và nhân đạo: Các vấn đề lý luận và thực tiễn, Luật thương mại quốc tế và các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên, Luật quốc tế về bảo vệ môi trường, Luật đầu tư quốc tế.

- Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh³: Tham khảo chương trình và các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Luật Quốc tế bao gồm: Toàn cầu hóa và pháp luật quốc tế: Những xu hướng phát triển, Tư pháp quốc tế so sánh: Những xu hướng phát triển, Giải quyết tranh chấp trọng tài quốc tế chuyên sâu, Những vấn đề chuyên sâu về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại quốc tế; FTA thế hệ mới và những vấn đề phi thương mại.

** Tham khảo, đối sánh về cấu trúc chương trình đào tạo và một số học phần phù hợp trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Luật Quốc tế hoặc khối ngành pháp luật của các cơ sở đào tạo luật nước ngoài:*

- Đại học Quốc gia Singapore (NUS)⁴: Tham khảo chương trình và các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Luật bao gồm các học phần: Trọng tài thương mại quốc tế (International Commercial Arbitration), Giải quyết tranh chấp quốc tế (International Dispute Settlement), Pháp luật kinh tế quốc tế cho nền kinh tế số (International Economic Law for the Digital Economy), Luật biển: Lý luận và Thực tiễn (Law of the Sea: Theory and Practice), Các doanh nghiệp đa quốc gia và pháp luật quốc tế (Multinational Enterprises and International Law), Cơ chế về quyền con người của Liên Hợp Quốc (United Nations Human Rights Mechanisms), Xung đột pháp luật trong lĩnh vực thương mại (Commercial Conflict of Laws), Trọng tài quốc tế và Công ước New York (International Arbitration & the New York Convention), Chính sách và lợi ích công trong trọng tài quốc tế (Policies & Public Interest in International Arbitration).

- Đại học Tokyo (Nhật Bản)⁵: Tham khảo chương trình và các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Luật bao gồm các học phần: “Nghiên cứu chuyên sâu về tư pháp quốc tế (国際私法特殊研究)”, “Nghiên cứu chuyên sâu luật thủ tục tố tụng dân sự quốc tế (国際民事手続法特殊研究)”, “Nghiên cứu chuyên sâu luật kinh doanh quốc tế (国際ビジネス法特殊研究)”, “Nghiên cứu chuyên sâu luật quốc tế (国際法特殊研究)”, “Nghiên cứu chuyên sâu luật kinh tế quốc tế (国際経済法特殊研究)”.

- Đại học California, Los Angeles (UCLA)⁶: Tham khảo chương trình và các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Luật bao gồm các học phần: Giải quyết tranh chấp quốc tế (International Dispute Resolution), Chính sách và Pháp luật môi

² <https://static.dav.edu.vn/files/2025/01/05/qd-ban-hanh-ctdt-ts-lqt-2023.pdf>

³ <https://sdh.hcmulaw.edu.vn/storage/ctrinh-dao-tao/20240504-qd-365qd-dhl-ve-viec-ban-hanh-chuong-trinh-dao-tao-thac-si-0001-1.pdf>

⁴ https://law1a.nus.edu.sg/student_matters/course_listing/elective_subjects.html

⁵ <https://www.u-tokyo.ac.jp/content/400283119.pdf>

⁶ <https://law.ucla.edu/academics/programs/sjd-program>

trường quốc tế (International Environmental Law and Policy), Các lý thuyết trong pháp luật quốc tế (Theories of International Law), Quyền con người và bảo vệ môi trường (Human Rights and Protection of Environment), Pháp luật về giao dịch kinh doanh quốc tế (International Business Transactions Law).

6. THÔNG TIN TUYỂN SINH

6.1. Điều kiện tuyển sinh

Thí sinh dự thi tuyển sinh vào chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Luật Quốc tế là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài đáp ứng được các điều kiện sau:

1. Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành đào tạo thuộc cùng nhóm ngành đào tạo trình độ tiến sĩ;

2. Có trình độ ngoại ngữ Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc trình độ tương đương) trở lên được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc tại hội nghị, hội thảo khoa học có phản biện; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

4. Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

6.2. Các đợt tuyển sinh:

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Kế hoạch tuyển sinh của Trường.

6.3. Chỉ tiêu tuyển sinh: Được xác định theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và công khai trong Kế hoạch, Thông báo tuyển sinh hàng năm của Trường.

6.4. Phương thức tuyển sinh

Xét tuyển hoặc thi tuyển hoặc kết hợp xét tuyển và thi tuyển theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và công khai trong Kế hoạch, Thông báo tuyển sinh hằng năm của Trường.

6.5. Thời gian tuyển sinh:

Tuyển sinh nhiều đợt trong năm theo Thông báo tuyển sinh của Trường Đại học Luật Hà Nội.

7. CẤU TRÚC CỦA CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

7.1. Thông tin chung:

- Số tín chỉ:

+ **90 tín chỉ** đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ thạc sĩ;

+ **120 tín chỉ** đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ đại học, không qua đào tạo thạc sĩ.

- Thời gian đào tạo:

+ **03 năm** đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ thạc sĩ;

+ **04 năm** đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ đại học, không qua đào tạo thạc sĩ.

7.2. Cấu trúc Chương trình dạy học:

a) Các học phần bắt buộc và tự chọn ở trình độ tiến sĩ: **16 tín chỉ** (trong đó bao gồm **08 tín chỉ** các học phần bắt buộc; **08 tín chỉ** các học phần tự chọn).

b) Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ: **74 tín chỉ**

* Nghiên cứu khoa học: **14 tín chỉ**.

- Tiểu luận tổng quan (04 tín chỉ); 02 chuyên đề tiến sĩ (mỗi chuyên đề 03 tín chỉ);

- Các sản phẩm nghiên cứu khoa học trong danh mục được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm, được công bố trong nước hoặc quốc tế trước khi nộp luận án để bảo vệ tại đơn vị chuyên môn: 02 tín chỉ

- Các sản phẩm nghiên cứu khoa học được quy đổi từ hoạt động tham gia hội thảo, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề (từ cấp khoa trở lên) và các sản phẩm khác theo quy định của Trường: 02 tín chỉ

* Luận án tiến sĩ: **60 tín chỉ**

c) Các học phần bổ sung kiến thức (*áp dụng đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ đại học, không qua đào tạo thạc sĩ*): **30 tín chỉ**, trong đó bao gồm một số học phần bắt buộc và/hoặc một số học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu (không bao gồm luận văn thạc sĩ).

7.3. Bảng các học phần trong Chương trình dạy học

7.3.1. Các học phần bắt buộc và tự chọn ở trình độ tiến sĩ (08 tín chỉ bắt buộc, 08 tín chỉ tự chọn)

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Khối lượng tín chỉ				
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thảo luận	LVN	TNC
1	HPBB-TS-01	Phương pháp nghiên cứu luật học chuyên sâu	4	48	24	40	88
2	HPBB-TS-02	Học phần chuyên ngành 01: Lý luận và thực tiễn chuyên sâu về pháp luật quốc tế	4	48	24	40	88
3	HPTC-TS-01	Học phần chuyên ngành 02: Pháp luật và thực tiễn chuyên sâu về cam kết quốc tế	4	48	24	40	88
4	HPTC-TS-02	Học phần chuyên ngành 03: Nghiên cứu chuyên sâu về các vấn đề của tư pháp quốc tế hiện đại	4	48	24	40	88
5	HPTC-TS-03	Học phần chuyên ngành 04: Pháp luật thương mại quốc tế: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên sâu	4	48	24	40	88
6	HPTC-TS-04	Học phần chuyên ngành 05: Luật ASEAN và các vấn đề pháp lý đương đại trong bối cảnh hội nhập quốc tế và khu vực	4	48	24	40	88

7.3.2. Các sản phẩm nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ

7.3.2.1. Các sản phẩm nghiên cứu khoa học (14 tín chỉ)

Số TT	Tên sản phẩm khoa học	Mã số	Số tín chỉ
1	Tiểu luận tổng quan	NCKH-01	4
2	Chuyên đề tiến sĩ 01	NCKH-02	3
3	Chuyên đề tiến sĩ 02	NCKH-03	3

4	Sản phẩm khoa học 01 (trong danh mục được HĐGSNN tính điểm và đã được công bố)	NCKH-04	1
5	Sản phẩm khoa học 02 (trong danh mục được HĐGSNN tính điểm và đã được công bố)	NCKH-05	1
6	Sản phẩm khoa học 03 (được quy đổi từ hoạt động tham gia Hội thảo khoa học, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề và các sản phẩm khác) ⁷	NCKH-06	2

7.3.2.2. Luận án tiến sĩ (60 tín chỉ)

7.3.3. Các học phần bổ sung kiến thức áp dụng đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ đại học, không qua đào tạo thạc sĩ (30 tín chỉ)

Số TT	Mã số học phần bổ sung kiến thức	Tên học phần học bổ sung kiến thức	Khối lượng tín chỉ				
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thảo luận	LVN	TN C
A	Các học phần bắt buộc và tự chọn thuộc khối kiến thức chung ở trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu (06 tín chỉ bắt buộc, 02 tín chỉ tự chọn)						
1	HPBS-KTC-BB01	Triết học ⁸	4	42	36	42	80
2	HPBS-KTC-BB02	Quản trị, quản lý	2	24	12	24	40
3	HPBS-KTC-TC01	Xã hội học pháp luật	2	24	12	24	40
4	HPBS-KTC-TC02	Kinh tế học pháp luật	2	24	12	24	40
5	HPBS-KTC-TC03	Kỹ năng đàm phán	2	24	12	24	40
B	Các học phần bắt buộc và tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành ở trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu (02 tín chỉ bắt buộc thuộc						

⁷ NCS phải tham gia ít nhất 08 hội thảo, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề và viết thu hoạch để xác định điểm tích lũy học phần trong chương trình đào tạo;

⁸ Học phần Triết học được giảng dạy theo quy định chung về chương trình môn triết học trình độ thạc sĩ, tiến sĩ dành cho các Trường không chuyên thuộc khối khoa học xã hội và nhân văn (ban hành kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BGDĐT ngày 08/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Số TT	Mã số học phần bổ sung kiến thức	Tên học phần học bổ sung kiến thức	Khối lượng tín chỉ				
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thảo luận	LVN	TN C
<i>khối kiến thức cơ sở ngành, 04 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành; 08 tín chỉ bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành, 08 tín chỉ tự chọn thuộc kiến thức ngành)</i>							
1	HPBS-KTCS-BB01	Những vấn đề lý luận về pháp luật quốc tế	2	24	12	24	40
2	HPBS-KTCS-TC01	Thực thể phi quốc gia trong quan hệ quốc tế	2	24	12	24	40
3	HPBS-KTCS-TC02	Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới	2	24	12	24	40
4	HPBS-KTCS-TC03	Giải quyết tranh chấp trong tư pháp quốc tế	2	24	12	24	40
5	HPBS-KTCS-TC04	Quy tắc xuất xứ hàng hoá của ASEAN	2	24	12	24	40
6	HPBS-KTN-BB01	Chủ quyền quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hoá	2	24	12	24	40
7	HPBS-KTN-BB02	Giải quyết xung đột pháp luật trong các quan hệ tư pháp quốc tế cơ bản	2	24	12	24	40
8	HPBS-KTN-BB03	Pháp luật thương mại quốc tế trong một số lĩnh vực cơ bản	2	24	12	24	40
9	HPBS-KTN-BB04	Luật ASEAN về thương mại hàng hoá, dịch vụ và đầu tư	2	24	12	24	40
10	HPBS-KTN-TC01	Những thách thức đối với bảo đảm an ninh phi truyền thống của quốc gia	2	24	12	24	40
11	HPBS-KTN-TC02	Thực trạng tư pháp quốc tế Việt Nam và hướng hoàn thiện	2	24	12	24	40

Số TT	Mã số học phần bổ sung kiến thức	Tên học phần học bổ sung kiến thức	Khối lượng tín chỉ				
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thảo luận	LVN	TN C
12	HPBS-KTN-TC03	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế (ADR)	2	24	12	24	40
13	HPBS-KTN-TC04	Bảo hộ đầu tư đối với các nhà đầu tư ASEAN và những vấn đề đặt ra trong xu thế hội nhập	2	24	12	24	40
14	HPBS-KTN-TC05	Pháp luật và thực tiễn thi hành các cam kết quốc tế của Việt Nam	2	24	12	24	40

8. ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TRÌNH ĐỘ VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận án tiến sĩ đạt yêu cầu;

- Hoàn thành các nghĩa vụ của người học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

9. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO:

9.1. Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ: Thời gian đào tạo tiêu chuẩn 3 năm

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Số tín chỉ	Kết quả dự kiến
Năm thứ nhất	Học và kiểm tra đánh giá học phần bắt buộc ở trình độ tiến sĩ	8 tín chỉ	Bảng điểm học phần
	Học và kiểm tra đánh giá các học phần tự chọn ở trình độ tiến sĩ	8 tín chỉ	Bảng điểm học phần
	Đánh giá Đề cương luận án tiến sĩ		Đề cương luận án
	Tham gia sinh hoạt chuyên môn tại khoa chuyên môn phụ trách ngành đào tạo		Xác nhận của khoa chuyên môn
	Đánh giá Tiểu luận tổng quan	4 tín chỉ	Tiểu luận tổng quan

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Số tín chỉ	Kết quả dự kiến
	Sản phẩm khoa học 01 (trong danh mục được HĐGSNN tính điểm và đã được công bố)	1 tín chỉ	Bài tạp chí, báo cáo khoa học, ... trong danh mục theo quy định
	Sản phẩm khoa học 03 (được quy đổi từ hoạt động tham gia 04 hội thảo khoa học, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề từ cấp khoa trở lên)	1 tín chỉ	Bài thu hoạch, xác nhận của Ban tổ chức
Năm thứ hai	Đánh giá Chuyên đề tiến sĩ thứ nhất	3 tín chỉ	Chuyên đề tiến sĩ thứ nhất
	Tham gia sinh hoạt chuyên môn tại khoa chuyên môn phụ trách ngành đào tạo		Xác nhận của khoa chuyên môn
	Đánh giá Chuyên đề tiến sĩ thứ hai	3 tín chỉ	Chuyên đề tiến sĩ thứ hai
	Sản phẩm khoa học 02 (trong danh mục được HĐGSNN tính điểm và đã được công bố)	1 tín chỉ	Bài tạp chí, báo cáo khoa học, ... trong danh mục theo quy định
	Sản phẩm khoa học 03 (được quy đổi từ hoạt động tham gia 04 hội thảo khoa học, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề từ cấp khoa trở lên)	1 tín chỉ	Bài thu hoạch, xác nhận của Ban tổ chức
Năm thứ ba	Tham gia sinh hoạt chuyên môn tại khoa chuyên môn phụ trách ngành đào tạo		Xác nhận của khoa chuyên môn
	Hoàn thành Luận án tiến sĩ và bảo vệ các cấp	60 tín chỉ	Luận án

9.2. Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ: Thời gian đào tạo tiêu chuẩn 4 năm

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Số tín chỉ	Kết quả dự kiến
Năm thứ nhất	Học và kiểm tra đánh giá học phần bắt buộc ở trình độ tiến sĩ	8 tín chỉ	Bảng điểm học phần
	Học và kiểm tra đánh giá học phần tự chọn ở trình độ tiến sĩ	8 tín chỉ	Bảng điểm học phần
	Đánh giá Đề cương luận án tiến sĩ		Đề cương luận án
	Tham gia sinh hoạt chuyên môn tại khoa chuyên môn phụ trách ngành đào tạo		Xác nhận của khoa chuyên môn
	Đánh giá Tiểu luận tổng quan	4 tín chỉ	Tiểu luận tổng quan

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Số tín chỉ	Kết quả dự kiến
	Sản phẩm khoa học 03 (được quy đổi từ hoạt động tham gia 04 Hội thảo khoa học, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề từ cấp khoa trở lên)	1 tín chỉ	Bài thu hoạch, xác nhận của Ban tổ chức
Năm thứ hai	Các học phần bổ sung kiến thức	30 tín chỉ	Bảng điểm học phần
	Sản phẩm khoa học 01 (trong danh mục được HĐGSNN tính điểm và đã được công bố)	1 tín chỉ	Bài tạp chí, báo cáo khoa học, ... trong danh mục theo quy định
	Tham gia sinh hoạt chuyên môn tại khoa chuyên môn phụ trách ngành đào tạo		Xác nhận của khoa chuyên môn
	Đánh giá Chuyên đề tiến sĩ thứ nhất	3 tín chỉ	Chuyên đề tiến sĩ thứ nhất
	Sản phẩm khoa học 03 (được quy đổi từ hoạt động tham gia 04 hội thảo khoa học, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề từ cấp khoa trở lên)	1 tín chỉ	Bài thu hoạch, xác nhận của Ban tổ chức
Năm thứ ba	Đánh giá Chuyên đề tiến sĩ thứ hai	3 tín chỉ	Chuyên đề tiến sĩ thứ hai
	Tham gia sinh hoạt chuyên môn tại khoa chuyên môn phụ trách ngành đào tạo		Xác nhận của khoa chuyên môn
	Sản phẩm khoa học 02 (trong danh mục được HĐGSNN tính điểm và đã được công bố)	1 tín chỉ	Bài tạp chí, báo cáo khoa học, ... trong danh mục theo quy định
	Sản phẩm khoa học 03 (được quy đổi từ hoạt động tham gia 04 Hội thảo khoa học, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề từ cấp khoa trở lên)	1 tín chỉ	Bài thu hoạch, xác nhận của Ban tổ chức
Năm thứ tư	Tham gia sinh hoạt chuyên môn tại khoa chuyên môn phụ trách ngành đào tạo		Xác nhận của khoa chuyên môn
	Hoàn thành Luận án tiến sĩ và bảo vệ các cấp	60 tín chỉ	Luận án

10. MA TRẬN THỂ HIỆN SỰ ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN VÀO VIỆC ĐÁP ỨNG CHUẨN ĐẦU RA

Stt	HỌC PHẦN	KIẾN THỨC			KỸ NĂNG				NL TỰ CHỦ			
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
1.	Phương pháp nghiên cứu luật học chuyên sâu			X	X	X	X	X	X	X	X	
2.	Học phần chuyên ngành 01: Lý luận và thực tiễn chuyên sâu về pháp luật quốc tế	X	X	X			X	X		X	X	
3.	Học phần chuyên ngành 02: Pháp luật và thực tiễn chuyên sâu về cam kết quốc tế	X	X	X			X	X				X
4.	Học phần chuyên ngành 03: Nghiên cứu chuyên sâu về các vấn đề của tư pháp quốc tế hiện đại	X	X	X			X	X		X	X	X
5.	Học phần chuyên ngành 04: Pháp luật thương mại quốc tế: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên sâu	X	X	X			X	X		X	X	X
6.	Học phần chuyên ngành 05: Luật ASEAN và các vấn đề pháp lý đương đại trong bối cảnh hội nhập quốc tế và khu vực	X	X	X			X	X		X	X	X
7.	Tiểu luận tổng quan	X	X	X			X	X	X	X	X	X
8.	Chuyên đề tiến sĩ 01	X	X	X			X	X	X	X	X	X
9.	Chuyên đề tiến sĩ 02	X	X	X			X	X	X	X	X	X
10.	Sản phẩm khoa học 01 (trong danh mục được HDGSNN tính điểm và đã được công bố)		X	X			X	X	X	X	X	X
11.	Sản phẩm khoa học 02 (trong danh mục được HDGSNN tính điểm và đã được công bố)		X	X			X	X	X	X	X	X

Stt	HỌC PHẦN	KIẾN THỨC			KỸ NĂNG				NL TỰ CHỦ			
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
12.	Sản phẩm khoa học 03 (được quy đổi từ hoạt động tham gia Hội thảo khoa học, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề và các sản phẩm khác)		x	x		x	x	x	x	x	x	x
13.	Luận án tiến sĩ	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Các học phần bổ sung kiến thức áp dụng đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ đại học, không qua đào tạo thạc sĩ												
14.	Triết học	x										x
15.	Quản trị, quản lý			x								x
16.	Xã hội học pháp luật				x							x
17.	Kinh tế học pháp luật	x										
18.	Kỹ năng đàm phán						x					x
19.	Những vấn đề lý luận về pháp luật quốc tế	x	x					x		x	x	
20.	Thực thể phi quốc gia trong quan hệ quốc tế	x	x			x	x					x
21.	Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới	x	x					x		x	x	x
22.	Giải quyết tranh chấp trong tư pháp quốc tế	x	x					x		x	x	x
23.	Quy tắc xuất xứ hàng hoá của ASEAN	x	x					x	x		x	x
24.	Chủ quyền quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hoá	x	x				x	x				x
25.	Giải quyết xung đột pháp luật trong các quan hệ tư pháp quốc tế cơ bản	x	x					x		x	x	x

Stt	HỌC PHẦN	KIẾN THỨC			KỸ NĂNG				NL TỰ CHỦ			
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
26.	Pháp luật thương mại quốc tế trong một số lĩnh vực cơ bản	x	x					x		x	x	x
27.	Luật ASEAN về thương mại hàng hoá, dịch vụ và đầu tư	x	x				x	x		x	x	x
28.	Những thách thức đối với bảo đảm an ninh phi truyền thống của quốc gia	x	x	x		x	x					x
29.	Thực trạng tư pháp quốc tế Việt Nam và hướng hoàn thiện	x	x					x		x	x	x
30.	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế (ADR)	x	x					x		x	x	x
31.	Bảo hộ đầu tư đối với các nhà đầu tư ASEAN và những vấn đề đặt ra trong xu thế hội nhập	x	x				x	x		x	x	x
32.	Pháp luật và thực tiễn thi hành các cam kết quốc tế của Việt Nam	x	x	x		x	x					x

11. MA TRẬN CÁC PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

TT	HỌC PHẦN	LÝ THUYẾT				SEMINAR						THỰC HÀNH/TỰ HỌC			
		Thuyết giảng	Tình huống	Nêu vấn đề	Thảo luận	Thuyết giảng	Diễn án-Đóng vai	Tranh biện	Thảo luận	LV nhóm	Tình huống	Kiến tập	Đề án	Tình huống	NC tài liệu
1.	Phương pháp nghiên cứu luật học chuyên sâu	x		x	x				x				x		x
2.	Học phần chuyên ngành 01: Lý luận và thực tiễn chuyên sâu về pháp luật quốc tế	x	x	x	x				x	x	x			x	x
3.	Học phần chuyên ngành 02: Pháp luật và thực tiễn chuyên sâu về cam kết quốc tế	x	x	x					x	x	x			x	x
4.	Học phần chuyên ngành 03: Nghiên cứu chuyên sâu về các vấn đề của tư pháp quốc tế hiện đại	x	x	x	x				x	x	x			x	x
5.	Học phần chuyên ngành 04: Pháp luật thương mại quốc tế: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên sâu	x	x	x	x			x	x	x	x			x	x

TT	HỌC PHẦN	LÝ THUYẾT				SEMINAR						THỰC HÀNH/TỰ HỌC			
		Thuyết giảng	Tình huống	Nêu vấn đề	Thảo luận	Thuyết giảng	Diễn án-Đóng vai	Tranh biện	Thảo luận	LV nhóm	Tình huống	Kiến tập	Đề án	Tình huống	NC tài liệu
6.	Học phần chuyên ngành 05: Luật ASEAN và các vấn đề pháp lý đương đại trong bối cảnh hội nhập quốc tế và khu vực	x	x	x	x				x	x				x	x
7.	Tiểu luận tổng quan														x
8.	Chuyên đề tiến sĩ 01														x
9.	Chuyên đề tiến sĩ 02														x
10.	Sản phẩm khoa học 01 (trong danh mục được HDGSNN tính điểm và đã được công bố)														x
11.	Sản phẩm khoa học 02 (trong danh mục được HDGSNN tính điểm và đã được công bố)														x
12.	Sản phẩm khoa học 03 (được quy đổi từ hoạt động tham gia Hội thảo khoa học, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề và các sản phẩm khác)								x						x

TT	HỌC PHẦN	LÝ THUYẾT				SEMINAR						THỰC HÀNH/TỰ HỌC			
		Thuyết giảng	Tình huống	Nêu vấn đề	Thảo luận	Thuyết giảng	Diễn án-Đóng vai	Tranh biện	Thảo luận	LV nhóm	Tình huống	Kiến tập	Đề án	Tình huống	NC tài liệu
13.	Luận án tiến sĩ														x
Các học phần bổ sung kiến thức áp dụng đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ đại học, không qua đào tạo thạc sĩ															
14.	Triết học	x		x	x	x			x						x
15.	Quản trị, quản lý	x	x	x	x	x			x		x			x	x
16.	Xã hội học pháp luật	x		x	x	x			x						x
17.	Kinh tế học pháp luật	x	x	x	x	x			x		x			x	x
18.	Kỹ năng đàm phán	x	x	x	x	x	x	x	x		x			X	x
19.	Những vấn đề lý luận về pháp luật quốc tế	x		x	x				x	x					x
20.	Thực thể phi quốc gia trong quan hệ quốc tế	x			x				x	x					x
21.	Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới	x		x	x				x	x	x				x
22.	Giải quyết tranh chấp trong tư pháp quốc tế	x		x	x				x	x					x

TT	HỌC PHẦN	LÝ THUYẾT				SEMINAR						THỰC HÀNH/TỰ HỌC			
		Thuyết giảng	Tình huống	Nêu vấn đề	Thảo luận	Thuyết giảng	Diễn án-Đóng vai	Tranh biện	Thảo luận	LV nhóm	Tình huống	Kiến tập	Đề án	Tình huống	NC tài liệu
23.	Quy tắc xuất xứ hàng hoá của ASEAN	x		x	x				x	x					x
24.	Chủ quyền quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hoá	x	x	x					x	x	x				x
25.	Giải quyết xung đột pháp luật trong các quan hệ tư pháp quốc tế cơ bản	x		x	x				x	x					x
26.	Pháp luật thương mại quốc tế trong một số lĩnh vực cơ bản	x		x	x				x	x	x				x
27.	Luật ASEAN về thương mại hàng hoá, dịch vụ và đầu tư	x		x	x				x	x					x
28.	Những thách thức đối với bảo đảm an ninh phi truyền thống của quốc gia	x	x	x					x	x	x				x
29.	Thực trạng tư pháp quốc tế Việt Nam và hướng hoàn thiện	x		x	x				x	x					x
30.	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng các phương	x		x	x				x	x	x				x

TT	HỌC PHẦN	LÝ THUYẾT				SEMINAR						THỰC HÀNH/TỰ HỌC			
		Thuyết giảng	Tình huống	Nêu vấn đề	Thảo luận	Thuyết giảng	Diễn án-Đóng vai	Tranh biện	Thảo luận	LV nhóm	Tình huống	Kiến tập	Đề án	Tình huống	NC tài liệu
	thức giải quyết tranh chấp thay thế (ADR)														
31.	Bảo hộ đầu tư đối với các nhà đầu tư ASEAN và những vấn đề đặt ra trong xu thế hội nhập	x		x	x				x	x	x				x
32.	Pháp luật và thực tiễn thi hành các cam kết quốc tế của Việt Nam	x	x	x					x	x	x				x

12. MA TRẬN CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

TT	HỌC PHẦN	KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN			ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC HỌC PHẦN				
		Kiểm tra giữa HP	Tiểu luận	Bài tập nhóm	Tự luận	Vấn đáp	Bài thu hoạch	Tiểu luận/ Luận án	Bài tập chí
1.	Phương pháp nghiên cứu luật học chuyên sâu	x						x	
2.	Học phần chuyên ngành 01: Lý luận và thực tiễn chuyên sâu về pháp luật quốc tế	x						x	
3.	Học phần chuyên ngành 02: Pháp luật và thực tiễn chuyên sâu về cam kết quốc tế	x						x	
4.	Học phần chuyên ngành 03: Nghiên cứu chuyên sâu về các vấn đề của tư pháp quốc tế hiện đại	x						x	
5.	Học phần chuyên ngành 04: Pháp luật thương mại quốc tế: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên sâu	x						x	
6.	Học phần chuyên ngành 05: Luật ASEAN và các vấn đề pháp lý đương đại trong bối cảnh hội nhập quốc tế và khu vực	x						x	
7.	Tiểu luận tổng quan							x	
8.	Chuyên đề tiến sĩ 01							x	
9.	Chuyên đề tiến sĩ 02							x	
10.	Sản phẩm khoa học 01 (trong danh mục được								x

TT	HỌC PHẦN	KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN			ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC HỌC PHẦN				
		Kiểm tra giữa HP	Tiểu luận	Bài tập nhóm	Tự luận	Vấn đáp	Bài thu hoạch	Tiểu luận/ Luận án	Bài tập chí
	HĐGSNN tính điểm và đã được công bố)								
11.	Sản phẩm khoa học 02 (trong danh mục được HĐGSNN tính điểm và đã được công bố)								x
12.	Sản phẩm khoa học 03 (được quy đổi từ hoạt động tham gia Hội thảo khoa học, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề và các sản phẩm khác)						x		
13.	Luận án tiến sĩ							x	
Các học phần bắt buộc và tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành ở trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu									
14.	Triết học		x	x	x				
15.	Quản trị, quản lý	x						x	
16.	Xã hội học pháp luật	x						x	
17.	Kinh tế học pháp luật	x						x	
18.	Kỹ năng đàm phán	x						x	
19.	Những vấn đề lý luận về pháp luật quốc tế	x						x	
20.	Thực thể phi quốc gia trong quan hệ quốc tế	x						x	
21.	Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới	x						x	

TT	HỌC PHẦN	KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN			ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC HỌC PHẦN				
		Kiểm tra giữa HP	Tiểu luận	Bài tập nhóm	Tự luận	Vấn đáp	Bài thu hoạch	Tiểu luận/ Luận án	Bài tập chí
22.	Giải quyết tranh chấp trong tư pháp quốc tế	x						x	
23.	Quy tắc xuất xứ hàng hoá của ASEAN	x						x	
24.	Chủ quyền quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hoá	x			x				
25.	Giải quyết xung đột pháp luật trong các quan hệ tư pháp quốc tế cơ bản	x			x				
26.	Pháp luật thương mại quốc tế trong một số lĩnh vực cơ bản	x			x				
27.	Luật ASEAN về thương mại hàng hoá, dịch vụ và đầu tư	x			x				
28.	Những thách thức đối với bảo đảm an ninh phi truyền thống của quốc gia	x						x	
29.	Thực trạng tư pháp quốc tế Việt Nam và hướng hoàn thiện	x						x	
30.	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế (ADR)	x						x	
31.	Bảo hộ đầu tư đối với các nhà đầu tư ASEAN và những vấn đề đặt ra trong xu thế hội nhập	x						x	

TT	HỌC PHẦN	KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN			ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC HỌC PHẦN				
		Kiểm tra giữa HP	Tiểu luận	Bài tập nhóm	Tự luận	Vấn đáp	Bài thu hoạch	Tiểu luận/ Luận án	Bài tập chí
32.	Pháp luật và thực tiễn thi hành các cam kết quốc tế của Việt Nam	x						x	

13. GIỚI THIỆU CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

- Phương pháp nghiên cứu luật học chuyên sâu:** Học phần trang bị cho người học những vấn đề lý luận về khoa học và nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu luật học và các kỹ năng nghiên cứu và viết pháp lý nâng cao, bao gồm kỹ năng lựa chọn đề tài nghiên cứu và tìm kiếm thông tin; kỹ năng nghiên cứu tài liệu tham khảo và xây dựng đề cương nghiên cứu, kế hoạch nghiên cứu; kỹ năng viết học thuật và bảo vệ kết quả nghiên cứu; kỹ năng khai thác cơ sở dữ liệu học thuật/pháp lý quốc tế, quản trị dữ liệu, ứng dụng AI, bảo đảm liên chính học thuật trong môi trường số; phương pháp nghiên cứu đặc thù của Luật quốc tế như phương pháp nghiên cứu án lệ, phán quyết của các cơ quan tài phán quốc tế (ICJ, ITLOS, WTO...) và phân tích hồ sơ giải quyết tranh chấp.
- Học phần chuyên ngành 01: **Lý luận và thực tiễn chuyên sâu về pháp luật quốc tế:** Học phần cung cấp cho nghiên cứu sinh những kiến thức lý luận và thực tiễn chuyên sâu về pháp luật quốc tế trong các lĩnh vực (i) công pháp quốc tế, (ii) tư pháp quốc tế và (iii) thương mại quốc tế. Thông qua những nội dung này, nghiên cứu sinh sẽ được trang bị những kiến thức lý luận để giải quyết các vấn đề pháp lý quốc tế, từ đó, đưa ra những đề xuất hữu ích trong quá trình thực hiện luận án liên quan đến pháp luật quốc tế.
- Học phần chuyên ngành 02: **Pháp luật và thực tiễn chuyên sâu về cam kết quốc tế:** Học phần cung cấp cho nghiên cứu sinh những kiến thức lý luận và thực tiễn chuyên sâu về thực hiện cam kết quốc tế của Việt Nam trong một số lĩnh vực, bao gồm bảo đảm quyền con người, môi trường, biên giới lãnh thổ và đấu tranh phòng chống tội phạm. Thông qua những nội dung này, nghiên cứu sinh sẽ được trang bị những kiến thức lý luận để giải quyết mối quan hệ giữa cam kết quốc tế và pháp luật quốc gia, từ đó, đưa ra những đề xuất hữu ích trong quá trình thực hiện luận án liên quan đến nội dung hoàn thiện pháp luật Việt Nam trong mối quan hệ với những cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.
- Học phần chuyên ngành 03: **Nghiên cứu chuyên sâu về các vấn đề của tư pháp quốc tế hiện đại:** Học phần cung cấp cho nghiên cứu sinh các kiến thức lý luận và thực tiễn chuyên sâu về Tư pháp quốc tế hiện đại, tập trung vào một số nội dung: (i) quan hệ sở hữu, thừa kế, lao động và hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài; (ii) quan hệ hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng có yếu tố nước ngoài; (iii) quan hệ sở hữu trí tuệ có yếu tố nước ngoài; (iv) tố tụng dân sự quốc tế và trọng tài quốc tế. Từ đó, nghiên cứu sinh sẽ có kiến

thức và kỹ năng tổng hợp, phân tích, phản biện, phát triển nội dung nghiên cứu và đưa ra được một số giải pháp, đề xuất cho luận án có liên quan đến tư pháp quốc tế.

5. Học phần chuyên ngành 04: **Pháp luật thương mại quốc tế: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên sâu:** Học phần cung cấp cho nghiên cứu sinh các kiến thức lý luận, pháp luật và thực tiễn chuyên sâu, kỹ năng nghiên cứu về pháp luật thương mại quốc tế, tập trung vào một số nội dung: sự phát triển của pháp luật thương mại và đầu tư quốc tế, hợp đồng thương mại quốc tế, giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế. Từ đó, nghiên cứu sinh sẽ có kiến thức và kỹ năng tổng hợp, phân tích, phản biện, phát triển nội dung nghiên cứu và đưa ra được một số giải pháp, đề xuất cho luận án có liên quan đến pháp luật thương mại quốc tế.
6. Học phần chuyên ngành 05: **Luật ASEAN và các vấn đề pháp lý đương đại trong bối cảnh hội nhập quốc tế và khu vực:** Học phần nhằm cung cấp cho nghiên cứu sinh nền tảng lý luận chuyên sâu về pháp luật ASEAN. Trên cơ sở đó, học phần đi vào phân tích các vấn đề pháp lý mới của ASEAN trong một số lĩnh vực như: thương mại và đầu tư, đặc biệt trong bối cảnh tái cấu trúc chuỗi cung ứng, chuyển đổi số và sự phát triển của các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; các vấn đề an ninh phi truyền thống mà đặc biệt là các thách thức an ninh mới hiện nay. Bên cạnh đó, học phần đi sâu phân tích, đánh giá cơ chế hợp tác ngoại khối của ASEAN trong thương mại và đầu tư, hợp tác với các đối tác của ASEAN trong các cơ chế ASEAN+ để ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống mới, qua đó làm rõ vai trò, vị thế và chiến lược pháp lý của ASEAN trong quan hệ với các đối tác. Học phần cũng trang bị cho nghiên cứu sinh năng lực phân tích, phản biện và phát triển các vấn đề pháp lý của ASEAN trong mối liên hệ với đề tài luận án của NCS, đồng thời góp phần nâng cao hiểu biết về vai trò của ASEAN trong quản trị khu vực và toàn cầu hiện nay.
7. **Tiểu luận tổng quan:** Học phần nhằm trang bị cho nghiên cứu sinh phương pháp và kỹ năng tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án. Nội dung học phần tập trung vào việc hệ thống hóa các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan trực tiếp đến đề tài; phân tích, đánh giá các kết quả đạt được về lý luận và thực tiễn, các quan điểm khoa học, cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu đã được sử dụng. Trên cơ sở đó, nghiên cứu sinh xác định những khoảng trống nghiên cứu, những vấn đề còn tồn tại hoặc chưa được giải quyết triệt để, làm căn cứ để xác định rõ các vấn đề nghiên cứu của luận án. Học phần đồng thời yêu cầu nghiên cứu sinh xây dựng câu hỏi nghiên cứu, xác định hướng tiếp cận, đề xuất giả thuyết và dự kiến kết quả nghiên cứu của luận án, qua đó hình thành nền tảng học thuật và định hướng nghiên cứu cho toàn bộ quá trình thực hiện luận án tiến sĩ.
8. **Chuyên đề tiến sĩ 01:** Học phần nhằm trang bị cho nghiên cứu sinh kiến thức chuyên sâu và cập nhật trong lĩnh vực nghiên cứu của luận án, thông qua việc nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên ngành ở trình độ cao. Nội dung học phần tập trung vào việc lựa chọn, phân tích và thảo luận các chuyên đề khoa học gắn trực tiếp với hướng nghiên cứu của nghiên cứu sinh; đồng thời rèn luyện năng lực nghiên cứu độc lập, tư duy phản biện, kỹ năng trình bày và trao đổi học thuật. Kết thúc học phần, nghiên cứu sinh phải xây dựng

và bảo vệ chuyên đề nghiên cứu 1, qua đó góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận và định hướng nội dung cho luận án tiến sĩ.

9. **Chuyên đề tiến sĩ 02:** Tiếp nối học phần Chuyên đề tiến sĩ 1, học phần nhằm trang bị cho nghiên cứu sinh kiến thức chuyên sâu và cập nhật trong lĩnh vực nghiên cứu của luận án, thông qua việc nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên ngành ở trình độ cao. Kết thúc học phần, nghiên cứu sinh phải xây dựng và bảo vệ chuyên đề nghiên cứu 2, qua đó góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận và định hướng nội dung cho luận án tiến sĩ.
10. **Sản phẩm khoa học 01:** Học phần yêu cầu nghiên cứu sinh xây dựng và công bố ít nhất một công trình khoa học thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm từ 0,75 trở lên. Nội dung học phần tập trung vào việc hoàn thiện bài viết khoa học gắn với hướng nghiên cứu của luận án, bảo đảm chất lượng học thuật, phương pháp nghiên cứu và chuẩn mực trích dẫn; đồng thời rèn luyện kỹ năng công bố quốc tế và trong nước. Kết quả học phần được xác nhận khi công trình khoa học đã được công bố hợp lệ theo quy định hiện hành.
11. **Sản phẩm khoa học 02:** Tiếp nối sản phẩm khoa học 01, học phần yêu cầu nghiên cứu sinh xây dựng và công bố ít nhất một công trình khoa học thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm từ 0,75 trở lên. Kết quả học phần được xác nhận khi công trình khoa học đã được công bố hợp lệ theo quy định hiện hành.
12. **Sản phẩm khoa học 03:** Học phần yêu cầu nghiên cứu sinh tham gia các hoạt động học thuật như hội thảo khoa học, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề hoặc các hoạt động chuyên môn khác có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu; các kết quả này được quy đổi thành sản phẩm khoa học theo quy định. Nội dung học phần nhằm rèn luyện kỹ năng trình bày, trao đổi học thuật, mở rộng mạng lưới nghiên cứu và tiếp cận các vấn đề khoa học mới. Kết quả học phần được công nhận trên cơ sở minh chứng hợp lệ về việc tham gia và đóng góp học thuật của nghiên cứu sinh.
13. **Luận án tiến sĩ:** Học phần là nội dung cốt lõi của chương trình đào tạo tiến sĩ, trong đó nghiên cứu sinh thực hiện đề tài nghiên cứu độc lập dưới sự hướng dẫn của người hướng dẫn khoa học. Nội dung học phần bao gồm xây dựng đề cương, triển khai nghiên cứu, thu thập và xử lý dữ liệu, phân tích và hoàn thiện luận án theo chuẩn mực khoa học. Học phần nhằm phát triển năng lực nghiên cứu chuyên sâu, tư duy độc lập và khả năng đóng góp tri thức mới cho lĩnh vực nghiên cứu. Kết quả học phần được đánh giá thông qua việc hoàn thành và bảo vệ thành công luận án tiến sĩ theo quy định.

Các học phần bổ sung kiến thức áp dụng đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ đại học, không qua đào tạo thạc sĩ

14. **Triết học:** Học phần cung cấp các kiến thức tổng quan về triết học và lịch sử triết học; các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (Bản thể luận, Phép biện chứng, Nhận thức luận); các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người (Học thuyết hình thái kinh tế-xã hội, Triết học chính trị, Ý thức xã hội,

Triết học về con người) qua đó giúp người học vận dụng tri thức triết học vào việc phân tích, đánh giá, làm sáng tỏ bản chất của các vấn đề, sự kiện, hiện tượng đang xảy ra trong nhận thức và hoạt động thực tiễn

15. **Quản trị, quản lý:** Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị, quản lý. Trong đó, học phần sẽ tập trung nghiên cứu tổng quan về quản trị, quản lý; các lý thuyết cơ bản về quản trị; quản trị, quản lý trong lĩnh vực công, tư (doanh nghiệp) và các hoạt động trong ngành Luật.
16. **Kinh tế học pháp luật:** Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về kinh tế học pháp luật với tư cách là một trường phái mới về lý luận pháp luật đương đại, trong đó nội dung cốt lõi là nghiên cứu sử dụng lý thuyết kinh tế học để xem xét, đánh giá tính hiệu quả của hệ thống pháp luật nói chung, thông qua việc xem xét mối quan hệ giữa kinh tế học với một số chế định pháp luật cơ bản như chế định pháp luật về quyền sở hữu; chế định pháp luật về hợp đồng; chế định pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại; chế định pháp luật về tội phạm và hình phạt...
17. **Xã hội học pháp luật:** Xã hội học pháp luật là lĩnh vực khoa học liên ngành giữa Xã hội học và Luật học, nghiên cứu các quá trình phát sinh, tồn tại của pháp luật trong xã hội, trong mối liên hệ giữa pháp luật với các chuẩn mực xã hội, các khía cạnh xã hội của hoạt động xây dựng pháp luật và thực hiện pháp luật. Học phần Xã hội học pháp luật trang bị cho người học cách tiếp cận xã hội học đối với các sự kiện pháp luật xảy ra trong đời sống xã hội thông qua việc áp dụng phương pháp điều tra xã hội học làm sáng tỏ nguồn gốc, nguyên nhân, bản chất của chúng.
18. **Kỹ năng đàm phán:** Học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng cần thiết về đàm phán nói chung bao gồm những kiến thức tổng quan về đàm phán và các kỹ năng chuẩn bị đàm phán, các kỹ năng tiến hành đàm phán để giúp người học có hiểu biết về đàm phán, biết vận dụng những kỹ năng trong đàm phán để có thể nâng cao hiệu quả đàm phán trong mọi tình huống cuộc sống và công việc nghề luật.
19. **Những vấn đề lý luận về pháp luật quốc tế:** Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản và chuyên sâu ở 3 lĩnh vực chủ đạo của pháp luật quốc tế bao gồm Công pháp quốc tế, Tư pháp quốc tế, Thương mại quốc tế và xu hướng phát triển cũng như các vấn đề mới đặt ra cho pháp luật quốc tế trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hoá hiện nay
20. **Thực thể phi quốc gia trong quan hệ quốc tế:** Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận, pháp lý chuyên sâu liên quan đến thực thể phi quốc gia và vai trò của những thực thể này trong quan hệ quốc tế; các quyền và nghĩa vụ của thực thể phi quốc gia theo quy định của luật quốc tế; năng lực đưa ra các yêu sách quốc tế và khả năng tham gia vào việc xây dựng, phát triển và thực thi luật quốc tế. Học phần cũng trang bị cho người học những kiến thức thực tiễn về vai trò và ảnh hưởng của các thực thể phi quốc gia trong xây dựng và thực thi Luật quốc tế hiện nay bằng các ví dụ thực tiễn liên quan đến nhiều

ngành luật như: Luật nhân quyền quốc tế, Luật hình sự quốc tế, Luật môi trường quốc tế, Luật nhân đạo quốc tế...

21. **Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới:** Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận, pháp luật và thực tiễn ở 3 khía cạnh chính: i) Khái niệm FTAs thế hệ mới; ii) Nội dung cam kết trong FTAs thế hệ mới trong tương quan so sánh với cam kết trong khuôn khổ WTO; và iii) FTAs thế hệ mới và các vấn đề pháp lý đặt ra đối với doanh nghiệp.
22. **Giải quyết tranh chấp trong Tư pháp quốc tế:** Học phần này có nội dung chính đề cập đến các phương thức giải quyết tranh chấp trong các quan hệ Tư pháp quốc tế bao gồm phương thức tố tụng tòa án, tố tụng trọng tài và giải quyết tranh chấp bằng các biện pháp thay thế.
23. **Quy tắc xuất xứ hàng hoá của ASEAN:** Học phần cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý chuyên sâu về quy tắc xuất xứ hàng hoá của ASEAN và thực tiễn nội luật hoá các quy định về quy tắc xuất xứ hàng hoá ASEAN của Việt Nam.
24. **Chủ quyền quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hoá:** Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận và pháp lý chuyên sâu về vấn đề chủ quyền quốc gia và toàn cầu hoá; xây dựng nhận thức, quan điểm và nhận diện những vấn đề đặt ra đối với chủ quyền quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hoá, đặc biệt là chủ quyền quốc gia đối với lãnh thổ và chủ quyền quốc gia khi tham gia các liên kết quốc tế.
25. **Giải quyết xung đột pháp luật trong các quan hệ Tư pháp quốc tế cơ bản:** Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức lý luận chuyên ngành sâu ở lĩnh vực Tư pháp quốc tế, cụ thể là các vấn đề lý luận chuyên sâu về giải quyết xung đột pháp luật từ quan hệ sở hữu, thừa kế, hợp đồng, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài.
26. **Pháp luật thương mại quốc tế trong một số lĩnh vực cơ bản:** Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận, pháp luật và thực tiễn ở 3 lĩnh vực cơ bản của pháp luật thương mại quốc tế, thuộc cả pháp luật thương mại quốc tế công và pháp luật thương mại quốc tế tư, bao gồm: i) Luật WTO; ii) Pháp luật về ký kết và thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế; và iii) Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế.
27. **Luật ASEAN về thương mại hàng hoá, dịch vụ và đầu tư:** Học phần cung cấp cho người học các kiến thức lý luận và pháp lý về tự do hoá thương mại hàng hoá; tự do hoá thương mại dịch vụ; tự do hoá đầu tư trong khu vực bao gồm khái niệm, nội dung pháp lý và cơ chế thực hiện. Ngoài ra, học phần cung cấp cho người học kiến thức về thực tiễn thực hiện của Việt Nam trong những lĩnh vực trên.
28. **Những thách thức đối với bảo đảm an ninh phi truyền thống của quốc gia:** Học phần này hướng đến mục tiêu cung cấp cho người học những kiến thức lý luận chuyên sâu về an ninh phi truyền thống và những vấn đề đặt ra cho việc đảm bảo an ninh phi truyền thống

của các quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hoá; qua đó giúp người học nhận diện những thách thức chính hiện nay đối với vấn đề đảm bảo an ninh phi truyền thống hiện nay.

29. **Thực trạng Tư pháp quốc tế Việt Nam và hướng hoàn thiện:** Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về thực trạng của các vấn đề lớn trong Tư pháp quốc tế Việt Nam như thực trạng giải quyết xung đột pháp luật từ các quan hệ Tư pháp quốc tế tại Việt Nam, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, tương trợ Tư pháp quốc tế về dân sự giữa Việt Nam với các nước.
30. **Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế (ADR):** Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận, pháp luật và thực tiễn về ADRs trong thương mại quốc tế, bao gồm: i) Khái niệm ADRs; ii) Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng thương lượng; iii) Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng hòa giải; và iv) Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng trọng tài.
31. **Bảo hộ đầu tư đối với các nhà đầu tư ASEAN và những vấn đề đặt ra trong xu thế hội nhập:** Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận và pháp lý chuyên sâu về bảo hộ đầu tư của ASEAN, thực tiễn thực hiện các quy định về bảo hộ nhà đầu tư ASEAN của Việt Nam và một số quốc gia thành viên khác trong khu vực trong xu hướng hội nhập quốc tế và khu vực ngày càng sâu rộng.
32. **Pháp luật và thực tiễn thi hành các cam kết quốc tế của Việt Nam:** Học phần hướng đến mục tiêu cung cấp cho người học những kiến thức lý luận và thực tiễn chuyên sâu về cam kết quốc tế và vấn đề thực thi các cam kết quốc tế của Việt Nam; qua đó giúp người học có những tri thức chuyên sâu về cam kết quốc tế và liên hệ với việc thực thi cam kết quốc tế của Việt Nam trong một số lĩnh vực cụ thể.

14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Chương trình đào tạo được triển khai trong 6 kỳ (3 năm) đối với nghiên cứu sinh có trình độ thạc sĩ hoặc 8 kỳ (4 năm) đối với nghiên cứu sinh có trình độ cử nhân.

- Mỗi tín chỉ trong chương trình đào tạo được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của nghiên cứu sinh, bao gồm hoạt động dạy học trên lớp (giảng lý thuyết và thảo luận), giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá. Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện 12 giờ lý thuyết và 6 giờ thảo luận (tỷ lệ giờ lý thuyết 80% và thảo luận 20%, riêng học phần Triết học tỷ lệ giờ lý thuyết 70% và thảo luận 30% theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

- Đối với các học phần bắt buộc và tự chọn ở trình độ tiến sĩ, việc giảng dạy được tổ chức tập trung trong năm đầu tiên. Với mỗi khoá nghiên cứu sinh, Trường tổ chức giảng dạy 02 học phần tự chọn dựa trên sự lựa chọn theo lớp của cả khoá nghiên cứu sinh tuyển sinh trong năm.

- Đối với các học phần bổ sung kiến thức, thời gian giảng dạy mỗi học phần trong chương trình đào tạo tương ứng với số tín chỉ của học phần, cụ thể: học phần 02 tín chỉ giảng dạy trong 2 tuần; học phần 03 tín chỉ giảng dạy trong 3 tuần; học phần 04 tín chỉ giảng dạy trong 4 tuần (riêng học phần Triết học giảng dạy trong 4,5 tuần). Nghiên cứu sinh học bổ sung kiến thức tham gia học tập cùng với các lớp thạc sĩ định hướng nghiên cứu cùng ngành đào tạo

- Các học phần được tổ chức giảng dạy theo hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến. Tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng hình thức trực tuyến.

- Đối với các học phần là các tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ, luận án tiến sĩ, sản phẩm khoa học, nghiên cứu sinh thực hiện dưới hình thức tự nghiên cứu. / *lee*



Phụ lục I

ĐỘI NGŨ GIÁNG VIÊN THAM GIA ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1308/QĐ-ĐHLHN ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Họ và tên	Học hàm/ Học vị	Đơn vị công tác	Năm công nhận học vị	Lĩnh vực chuyên môn chuyên sâu
1.	Nguyễn Bá Bình	PGS.TS	Ban Giám hiệu	2013	Luật thương mại QT
2.	Nguyễn Toàn Thắng	PGS.TS	Phòng ĐBCLĐT &KT	2005	Công pháp quốc tế
3.	Nguyễn Thị Kim Ngân	PGS.TS	Phòng Đào tạo sau đại học	2012	Công pháp quốc tế
4.	Lê Thị Anh Đào	PGS.TS	Khoa PL quốc tế	2017	Công pháp quốc tế
5.	Nguyễn Thị Hồng Yến	PGS.TS	Phòng Đào tạo đại học	2018	Công pháp quốc tế
6.	Trần Minh Ngọc	TS	Khoa PL quốc tế	2010	Tư pháp quốc tế
7.	Vũ Thị Phương Lan	TS	Khoa PL quốc tế	2011	Tư pháp quốc tế
8.	Hoàng Ly Anh	TS	Khoa PL quốc tế	2014	Công pháp quốc tế
9.	Bùi Thị Thu	TS	Khoa PL quốc tế	2016	Tư pháp quốc tế
10.	Hà Việt Hưng	TS	Khoa PL quốc tế	2017	Tư pháp quốc tế
11.	Mạc Thị Hoài Thương	TS	Khoa PL quốc tế	2018	Công pháp quốc tế
12.	Phạm Hồng Hạnh	TS	Khoa PL quốc tế	2019	Công pháp quốc tế
13.	Trần Thúy Hằng	TS	Khoa PL quốc tế	2019	Tư pháp quốc tế
14.	Nguyễn Thu Thủy	TS	Khoa PL quốc tế	2021	Tư pháp quốc tế
15.	Vũ Ngọc Dương	TS	Khoa PL quốc tế	2021	PL cộng đồng ASEAN
16.	Nguyễn Quỳnh Anh	TS	Khoa PL quốc tế	2021	PL cộng đồng ASEAN

17.	Lê Thị Bích Thủy	TS	Khoa PL quốc tế	2021	Tư pháp quốc tế
18.	Hà Thanh Hòa	TS	Khoa PL quốc tế	2021	Công pháp quốc tế
19.	Bùi Thị Ngọc Lan	TS	Khoa PL quốc tế	2022	PL cộng đồng ASEAN
20.	Đỗ Quý Hoàng	TS	Khoa PL quốc tế	2022	Công pháp quốc tế
21.	Nguyễn Thị Anh Thơ	TS	Khoa PL quốc tế	2022	Luật thương mại QT

7th



Phụ lục II

CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1308/QĐ-ĐHLHN ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Trường Đại học Luật Hà Nội hiện đang được giao quản lý, sử dụng các cơ sở nhà đất: Trụ sở của Trường tại địa chỉ số 87 Nguyễn Chí Thanh, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội (Trụ sở Trường); Trụ sở Phân hiệu của Trường tại Đắc Lắc, địa chỉ tại Tổ dân phố 9, phường Tân An và số 02 Y Bih Aleo, Buôn Ma Thuột (Trụ sở Phân hiệu tại Đắc Lắc).

Trụ sở Trường nằm trên khuôn viên có diện tích đất 14.009 m², tổng diện tích sàn xây dựng là 36.475 m², gồm 12 tòa nhà lớn nhỏ (05 tòa nhà là nơi hiệu bộ hành chính, thư viện và hội trường, giảng đường học; 04 tòa nhỏ là phòng làm việc; 01 tòa ký túc xá, 01 tòa căng tin) và các công trình phụ trợ hiện đang sử dụng làm trụ sở làm việc và giảng dạy của Trường.

Trụ sở Phân hiệu tại Đắc Lắc tại Phường Tân An có tổng diện tích đất là 98.240 m², tổng số 24.633 m² sàn xây dựng, bao gồm 06 tòa nhà chính (01 tòa hành chính, 02 tòa giảng đường, 02 tòa ký túc xá, 01 tòa nhà công vụ, 01 nhà thi đấu thể thao) và các công trình phụ trợ; cơ sở nhà đất tại số 02 Y Bih Aleo có diện tích 540,5m², gồm 02 tòa nhà thấp tầng. Các cơ sở nhà đất hiện đang sử dụng làm trụ sở làm việc và giảng dạy của Trường tại Phân hiệu Đắc Lắc.

Ngoài ra, Trường được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư xây dựng cơ sở đào tạo tại địa chỉ Phường Đồng Nguyên, tỉnh Bắc Ninh trên khuôn viên đất có diện tích 278.800 m², khoảng 93.125 m² sàn xây dựng gồm các tòa nhà (01 tòa nhà hành chính – thư viện, 02 tòa giảng đường, 02 tòa ký túc xá, 01 nhà thi đấu thể dục thể thao) cùng với các công trình phụ trợ khác có thể đáp ứng quy mô đào tạo là 10.800 sinh viên.

Hiện nay, tại trụ sở Hà Nội và trụ sở Phân hiệu tại Đắc Lắc Trường có tổng số 93 hội trường/phòng học từ 25 chỗ ngồi đến 450 chỗ ngồi; 7 Phòng thực hành pháp luật, diễn án; 02 nhà tập đa năng với diện tích sàn xây dựng là 1.310 m², 5 phòng học đa phương tiện, 2 thư viện và nhiều phòng chức năng khác với các trang thiết bị được đầu tư đầy đủ, tương đối hiện đại (âm thanh, ánh sáng, máy chiếu, bàn ghế, bảng viết...) đáp ứng yêu cầu học tập, giảng dạy của Trường. *fel*



Phụ lục III

HỌC LIỆU PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1308/QĐ-ĐHLHN ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Thư viện của Trường đáp ứng được gần 500 chỗ ngồi đọc và khoảng 22 máy tính phục vụ tra cứu. Số lượng tài liệu hiện tại có 27.100 tên bằng 185.762 cuốn tài liệu in trên tổng số 84.091 biểu ghi thư mục, trong đó có gần 200 đầu tạp chí Tiếng Việt và tiếng nước ngoài; 19.543 tên tài liệu số, thuê quyền truy cập cơ sở dữ liệu HeinOnline, Luật Việt Nam, Thư viện pháp luật, ProQuest Central, Cơ sở dữ liệu sách điện tử của Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật với 823 tên, 300 tên sách điện tử và nguồn tài liệu của Dự án MUTRAP 700 tên.

Bảng thống kê tài liệu thư viện (cập nhật đến 02/4/2026)

Bộ sưu tập	Tổng số thư mục	Thư mục (bản cứng)	Bản cứng	Thư mục (bản mềm)	Bản mềm	Thư mục (bản cứng hoặc mềm)
Giáo trình	1007	905	36067	189	189	36256
Khóa luận TN	5676	4102	5904	2733	2754	8658
Sách tham khảo	15496	14560	126523	225	226	126749
Luận văn, Luận án	6114	6100	12085	5976	5992	18077
Đề tài khoa học	803	664	765	703	704	1469
TL Hội nghị, hội thảo	658	622	792	559	560	1352
Bài viết tạp chí	52990	0		8109	8177	8177
Đa phương tiện	7	6	6	0		6
Tạp chí	213	140	3615	6	761	4376
TL truy cập mở	1127	1	5	1073	1075	1080
Tổng	84091	27100	185762	19573	20438	206200

gcu